

Thông tin chung

Tên công ty CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH
Địa chỉ 248A-Nơ Trang Long-P.12-Q.Bình Thạnh-TP.Hồ Chí Minh
Báo cáo Báo cáo tài chính
Niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008
Giám đốc NGÔ VĂN VỊ
Kế toán trưởng VÕ THỊ THANH HÀ
Người lập biểu TRƯƠNG THỊ THÙY LINH

Kiểm soát số liệu



Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính 2008 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
29 Võ thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08) 38 205944; Fax: (08) 38 205942

NỘI DUNG**Trang****Báo cáo của Ban Giám đốc**

2 - 4

Báo cáo Kiểm toán

5 - 5

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

- Bảng cân đối kế toán

6 - 9

- Kết quả hoạt động kinh doanh

10 - 10

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

11 - 12

- Thuyết minh báo cáo tài chính

13 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Công ty

Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Điện tử Tân Bình sang công ty cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Trụ sở chính: 248A Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002463, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 06 năm 2007, thay đổi lần 3 ngày 07 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 4 ngày 21 tháng 06 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, lắp ráp, bảo hành và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử và tin học (không tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện). Kinh doanh Bất động sản, văn phòng cho thuê. Sản xuất, lắp ráp, bảo trì, mua bán các sản phẩm điện lạnh - điện dân dụng. Sản xuất hàng điện-điện tử (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Mua bán máy giặt, thiết bị điện tử viễn thông-điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại.

Thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ, internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và với các công nghệ truyền thông), (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet tại trụ sở). Tích hợp mạng cục bộ (LAN). Tư vấn phần cứng-phần mềm máy tính. Bảo dưỡng, sửa chữa máy tính, máy văn phòng. Mua bán máy tính, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi. Sửa chữa, bảo dưỡng máy điều hòa không khí, máy giặt, máy sấy, tủ lạnh, máy hút ẩm, hút khí, khử mùi, máy khâu, đồ điện, hệ thống điện dân dụng, thiết bị chụp ảnh, tivi, loa. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet (không kinh doanh đại lý dịch vụ Internet tại trụ sở). Mua bán máy in, phụ tùng và vật tư ngành in, máy Photocopy, máy vẽ, thiết bị phục vụ thiết kế, thiết bị phòng thí nghiệm, giường tủ, bàn ghế. Cho thuê máy móc thiết bị văn phòng.

Bổ sung: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi). Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa (không hoạt động tại trụ sở). Bốc xếp hàng hóa. Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần./.

Hình thức sở hữu vốn:

Là Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty vào thời điểm 31/12/2008 là 120.000.000.000 đ.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông LÊ NGỌC SƠN	Chủ tịch
Ông NGÔ VĂN VỊ	Ủy viên
Ông BÙI KIM KHÁNH	Ủy viên
Ông NGUYỄN VĂN BẢO	Ủy viên
Ông VŨ HOÀNG CHƯƠng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông NGÔ VĂN VỊ	Giám đốc	
Ông VŨ DƯƠNG NGỌC DUY	Phó Giám đốc	
Ông NGHIÊM XUÂN VÂN	Phó Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01/10/2007

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Bà NGUYỄN THỊ VI MINH	Trưởng ban
Bà ĐẶNG THỊ MINH	Thành viên
Ông TRẦN MINH SƠN	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà VÕ THỊ THANH HÀ

Tình hình kinh doanh của Công ty	2008	2007
Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2008 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 24.501.190.981 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2007 lợi nhuận sau thuế là 24.167.303.581 VND).	24,501,190,981	24,167,303,581
Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 là 25.174.584.055 VND (Năm 2007 lợi nhuận chưa phân phối là 35.949.723.326 VND).	25,174,584,055	35,949,723,326

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị **Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình** phê duyệt Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty.

TP.HCM, ngày tháng năm 2009

TP.HCM, ngày tháng năm 2009

TM. Hội đồng Quản trị

TM. Ban Giám đốc

LÊ NGỌC SƠN
Chủ tịch

NGÔ VĂN VỊ
Giám đốc

Số :/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính năm 2008 kết thúc tại ngày 31/12/2008
của Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình*

Kính gửi: **- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,**
 - BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của **Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình** được lập ngày 10/01/2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của **Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình** đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc

TP. HCM, ngày tháng năm 2009

Kiểm toán viên điều hành

ĐỖ KHẮC THANH
CPA số: Đ0064/KTV

PHÙNG VĂN THẮNG
CPA số: 0650/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188,991,077,273	278,638,213,023
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		45,521,572,081	19,019,064,892
1. Tiền	111	03	45,521,572,081	19,019,064,892
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35,644,680,000	91,202,999,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	04	35,644,680,000	91,202,999,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59,013,298,001	125,846,492,899
1. Phải thu khách hàng	131		33,096,362,523	93,422,328,888
2. Trả trước cho người bán	132		18,112,583,318	6,951,612,031
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	05	8,518,881,862	26,187,081,682
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	06	(714,529,702)	(714,529,702)
IV. Hàng tồn kho	140		32,327,447,587	38,813,689,742
1. Hàng tồn kho	141	07	32,644,062,589	38,813,689,742
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(316,615,002)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,484,079,604	3,755,966,490
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		262,438,950	302,591,705
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,275,155,253	2,210,300,800
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	08	14,946,485,401	1,243,073,985
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73,977,851,896	55,195,800,136
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6,549,484,838	15,494,550,160
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	09	6,549,484,838	15,494,550,160
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		34,118,422,115	4,969,061,242
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3,584,059,945	4,670,897,782
- Nguyên giá	222		37,414,541,440	37,315,548,838

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(33,830,481,495)	(32,644,651,056)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	26,319,628,599	298,163,460
- Nguyên giá	228		26,549,937,307	417,743,527
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(230,308,708)	(119,580,067)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	4,214,733,571	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		32,227,100,514	29,151,600,514
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	27,126,600,514	27,126,600,514
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	5,100,500,000	2,025,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,082,844,429	5,580,588,220
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1,082,844,429	5,580,588,220
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		262,968,929,169	333,834,013,159
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		62,061,624,890	117,774,103,420
I. Nợ ngắn hạn	310		54,471,167,365	116,526,977,064
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	20,275,561,650	51,257,370,514
2. Phải trả người bán	312		8,359,904,077	58,752,844,104
3. Người mua trả tiền trước	313		203,997,168	258,370,777
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	1,080,654,924	734,549,000
5. Phải trả người lao động	315		557,083,598	1,110,740,444
6. Chi phí phải trả	316	18	1,715,800,312	1,391,548,685
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	22,278,165,636	3,021,553,540
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7,590,457,525	1,247,126,356
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	20	910,612,374	341,992,862
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	905,133,494
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	21	6,679,845,151	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		200,907,304,279	216,059,909,739

I. Vốn chủ sở hữu	410	22	200,304,604,303	215,309,572,126
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		119,820,500,000	110,053,450,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69,306,398,800	69,306,398,800
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(14,236,878,552)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		240,000,000	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25,174,584,055	35,949,723,326
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		602,699,976	750,337,613
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		602,699,976	750,337,613
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		262,968,929,169	333,834,013,159
			-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1,017,109.27	226,980.03
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
TRƯƠNG THỊ THÙY LINH	VÕ THỊ THANH HÀ	NGÔ VĂN VỊ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

Đơn vị tính: VND				
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	219,095,820,651	517,317,324,701
02	2. Các khoản giảm trừ	24	2,881,852,203	4,993,539,658
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	216,213,968,448	512,323,785,043
11	4. Giá vốn hàng bán	26	175,854,893,719	453,078,978,818
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40,359,074,729	59,244,806,225
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	31,015,988,064	14,476,794,037
22	7. Chi phí tài chính	28	5,619,253,338	5,602,973,529
23	Trong đó: chi phí lãi vay		2,542,475,315	4,707,088,717
24	8. Chi phí bán hàng		28,641,464,761	31,185,740,261
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11,935,342,330	8,765,834,749
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25,179,002,364	28,167,051,723
31	11. Thu nhập khác		3,162,726,213	4,520,651,253
32	12. Chi phí khác		2,669,524,988	3,004,701,321
40	13. Lợi nhuận khác		493,201,225	1,515,949,932
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25,672,203,589	29,683,001,655
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	1,171,012,608	5,515,698,074
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24,501,190,981	24,167,303,581
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		#REF!	3,178

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRƯƠNG THỊ THÙY LINH

VÕ THỊ THANH HÀ

NGÔ VĂN VỊ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2008

(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	291,786,038,788	405,062,468,576
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(159,813,501,159)	(175,769,174,603)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(9,527,667,000)	(11,404,369,950)
4. Tiền chi trả lãi vay	(2,752,250,997)	(3,435,090,104)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	(575,054,043)	(3,669,781,247)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	56,969,102,560	173,136,774,400
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(111,078,278,353)	(90,400,229,385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	65,008,389,796	293,520,597,687
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(59,073,952)	(4,580,637,815)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(144,655,103,000)	(106,882,388,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	190,137,736,000	28,385,785,150
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	21,279,621,284	4,456,835,089
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	66,703,180,332	(78,620,405,576)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	26,014,497,477	101,035,261,165
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(131,223,560,416)	(313,747,507,321)

5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(105,209,062,939)	(212,712,246,156)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	26,502,507,189	2,187,945,955
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	19,019,064,892	16,831,118,937
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	45,521,572,081	19,019,064,892
	-	-
	<i>Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2009</i>	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRƯƠNG THỊ THÙY LINH

VÕ THỊ THANH HÀ

NGÔ VĂN VỊ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, lắp ráp, bảo hành và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử và tin học (không tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện). Kinh doanh Bất động sản, văn phòng cho thuê. Sản xuất, lắp ráp, bảo trì, mua bán các sản phẩm điện lạnh - điện dân dụng. Sản xuất hàng điện-điện tử (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Mua bán máy giặt, thiết bị điện tử viễn thông-điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại.

Thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ, internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và với các công nghệ truyền thông), (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet tại trụ sở). Tích hợp mạng cục bộ (LAN). Tư vấn phần cứng-phần mềm máy tính. Bảo dưỡng, sửa chữa máy tính, máy văn phòng. Mua bán máy tính, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi. Sửa chữa, bảo dưỡng máy điều hòa không khí, máy giặt, máy sấy, tủ lạnh, máy hút ẩm, hút khí, khử mùi, máy khâu, đồ điện, hệ thống điện dân dụng, thiết bị chụp ảnh, tivi, loa. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet (không kinh doanh đại lý dịch vụ Internet tại trụ sở). Mua bán máy in, phụ tùng và vật tư ngành in, máy Photocopy, máy vẽ, thiết bị phục vụ thiết kế, thiết bị phòng thí nghiệm, giường tủ, bàn ghế. Cho thuê máy móc thiết bị văn phòng.

Bổ sung: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi). Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa (không hoạt động tại trụ sở). Bốc xếp hàng hóa. Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần./.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc *tỷ giá bình quân liên ngân hàng*) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0 %

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH

248A-Nơ Trang Long-P.12-Q.Bình Thạnh-TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

3. TIỀN	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4,571,202,056	583,312,304
Tiền gửi ngân hàng :	40,950,370,025	18,435,752,588
Tổng cộng	<u>45,521,572,081</u>	<u>19,019,064,892</u>

0

-

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn:	35,644,680,000	91,202,999,000
+ Tiền gửi ngắn hạn:	10,600,000,000	55,000,000,000
- Ngân hàng HSBC	3,600,000,000	-
- Ngân hàng Vietcombank	7,000,000,000	-
- Ngân hàng ACB	-	55,000,000,000
+ Cho vay ngắn hạn:	25,044,680,000	36,202,999,000
- Nhân viên công ty	4,144,680,000	15,302,999,000
- Công ty CP Công nghệ Việt (Vitek)	10,900,000,000	10,900,000,000
- Công ty CP QL quỹ đầu tư Thành Việt	10,000,000,000	10,000,000,000
Tổng cộng	<u>35,644,680,000</u>	<u>91,202,999,000</u>

-

-

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
	VND	VND
Phải thu khác	8,518,881,862	26,187,081,682
Tổng cộng	<u>8,518,881,862</u>	<u>26,187,081,682</u>

-

-

Ghi chú: Trong tổng số phải thu khác ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2008 có khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần M&C số tiền 8.344.210.130 đ, về việc rút vốn góp xây dựng cao ốc Sài Gòn M&C.

6. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ FPT	(12,000,000)	(12,000,000)
Công ty TNHH PTCNKT Tin học Gia Kỳ	(160,908,080)	(160,908,080)
Công ty TNHH Thu Ngân	(489,414,494)	(489,414,494)
Doanh nghiệp tư nhân Hải Trung	(27,207,128)	(27,207,128)
Doanh nghiệp tư nhân Điện máy HTC	(25,000,000)	(25,000,000)
Tổng cộng	<u>(714,529,702)</u>	<u>(714,529,702)</u>

-

-

7. HÀNG TỒN KHO	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10,058,826,468	17,997,935,111
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	666,345,276	2,767,859,202

Thành phẩm	19,716,757,004	11,589,804,543
Hàng hóa	2,202,133,841	6,458,090,886
Tổng cộng	32,644,062,589	38,813,689,742

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 VND.

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VND

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	100,062,450
Tạm ứng	400,990,000	963,732,852
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	14,545,495,401	179,278,683
Tổng cộng	14,946,485,401	1,243,073,985

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác (Công ty TNHH JVC Việt Nam)	6,549,484,838	15,494,550,160
Tổng cộng	6,549,484,838	15,494,550,160

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng	
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	20,860,386,954	14,472,898,083	1,982,263,801	37,315,548,838	-
2. Số tăng trong kỳ	-	386,793,302	-	386,793,302	
Bao gồm:				-	
- Mua sắm mới	-	386,793,302	-	386,793,302	
- Xây dựng mới	-	-	-	-	
-Tăng khác	-	-	-	-	
3. Số giảm trong kỳ	-	287,800,700	-	287,800,700	
Bao gồm:				-	
- Thanh lý	-	39,180,700	-	39,180,700	
- Nhượng bán	-	-	-	-	
- Chuyển sang BĐS đầu t	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	248,620,000	-	248,620,000	
4. Số dư cuối kỳ	20,860,386,954	14,571,890,685	1,982,263,801	37,414,541,440	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	18,995,635,097	12,155,930,402	1,493,085,557	32,644,651,056	-
2. Khấu hao trong kỳ	397,676,496	617,007,357	213,287,048	1,227,970,901	
3. Giảm trong kỳ	-	42,140,462	-	42,140,462	
Gồm:				-	
- Chuyển sang BĐS đầu t	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	39,180,700	-	39,180,700	
- Giảm khác	-	2,959,762	-	2,959,762	
4. Số dư cuối kỳ	19,393,311,593	12,730,797,297	1,706,372,605	33,830,481,495	-
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
1. Tại ngày đầu năm	1,864,751,857	2,316,967,681	489,178,244	4,670,897,782	-
2. Tại ngày cuối kỳ	1,467,075,361	1,841,093,388	275,891,196	3,584,059,945	-

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 đ

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.446.662.435 đ

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đ

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: 0 đ

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng	
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	-	417,743,527	417,743,527	-
2. Số tăng trong năm	26,132,193,780	-	26,132,193,780	
<i>Bao gồm:</i>				
- Mua trong năm	26,132,193,780	-	26,132,193,780	
3. Số giảm trong năm	-	-	-	
<i>Bao gồm:</i>				
- Thanh lý, nhượng bán			-	
- Giảm khác			-	
4. Số dư cuối năm	26,132,193,780	417,743,527	26,549,937,307	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	-	119,580,067	119,580,067	-
2. Số tăng trong năm	-	110,728,641	110,728,641	
3. Số giảm trong năm	-	-	-	
<i>Bao gồm:</i>				
- Thanh lý nhượng bán			-	
- Giảm khác			-	
4. Số dư cuối năm	-	230,308,708	230,308,708	-
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	298,163,460	298,163,460	-
2. Tại ngày cuối năm	26,132,193,780	187,434,819	26,319,628,599	-

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2008	01/01/2008	
	VND	VND	
Xây dựng cơ bản dở dang	4,214,733,571	-	
- Công trình xây dựng Nhà máy sản xuất lắp ráp điện tử, điện dân dụng Tân Bình - KCN Vĩnh Lộc	4,214,733,571	-	
Tổng cộng	4,214,733,571	-	-

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Loại hình đầu tư	Số vốn đầu tư	Tỷ lệ vốn góp (%)
Công ty TNHH Sony Việt Nam	Liên doanh	1.500.000 USD	30%
Công ty TNHH JVC Việt Nam	Liên doanh	900.000 USD	30%

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008		
	VND	VND		
Đầu tư cổ phiếu (*)	5,100,500,000	2,025,000,000		
Tổng cộng	5,100,500,000	2,025,000,000	-	-
(*) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Việt (Vitek)				

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2008	01/01/2008		
	VND	VND		
Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	1,082,844,429	5,580,588,220		
Tổng cộng	1,082,844,429	5,580,588,220	-	-

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/01/2008		
	VND	VND		
Vay ngắn hạn:	20,275,561,650	51,257,370,514		
- Ngân hàng HSBC	5,766,791,500	-		
- Ngân hàng Vietcombank	14,508,770,150	-		
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-		
Tổng cộng	20,275,561,650	51,257,370,514	-	-

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	01/01/2008		
	VND	VND		
Thuế giá trị gia tăng	-	-		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	814,239	-		
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	82,318,840	260,510,223		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	633,532,029	37,573,464		
Thuế thu nhập cá nhân	363,989,816	436,465,313		
Tổng cộng	1,080,654,924	734,549,000	-	-

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>		
	VND	VND		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-		
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-		
Trích trước chi phí bảo hành, khuyến mãi ...	1,715,800,312	1,391,548,685		
Tổng cộng	<u>1,715,800,312</u>	<u>1,391,548,685</u>	-	-

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>		
	VND	VND		
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-		
Kinh phí công đoàn	70,791,995	28,771,650		
Bảo hiểm xã hội	2,330,408	-		
Bảo hiểm y tế	-	-		
Doanh thu chưa thực hiện	15,622,520,000	-		
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	6,582,523,233	2,992,781,890		
- Cổ đông	4,360,898,600	-		
- Chiết khấu bán hàng Khu vực Miền Bắc	935,293,807	-		
- Chiết khấu bán hàng Khu vực Miền Nam	1,283,554,096	-		
- Đối tượng khác	2,776,730	-		
Tổng cộng	<u>22,278,165,636</u>	<u>3,021,553,540</u>	-	-

20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>		
	VND	VND		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	910,612,374	341,992,862		
Tổng cộng	<u>910,612,374</u>	<u>341,992,862</u>	-	-

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>		
	VND	VND		
Trích lập dự phòng theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	6,679,845,151	-		
Tổng cộng	<u>6,679,845,151</u>	<u>-</u>	-	-

22. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70,000,000,000	-	-	-	-	21,274,059,495	91,274,059,495
Tăng vốn trong năm trước	40,053,450,000	69,306,398,800	-	-	-	-	109,359,848,800
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	24,167,303,581	24,167,303,581
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	8,400,000,000	8,400,000,000
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	1,091,639,750	1,091,639,750
Số dư cuối năm trước	110,053,450,000	69,306,398,800	-	-	-	35,949,723,326	215,309,572,126
Tăng vốn trong năm nay	9,767,050,000	-	-	-	-	-	9,767,050,000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	24,501,190,981	24,501,190,981
Tăng khác	-	-	-	-	240,000,000	-	240,000,000
Giảm vốn trong năm nay	-	-	14,236,878,552	-	-	33,344,619,001	47,581,497,553
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	1,931,711,251	1,931,711,251
Số dư cuối kỳ này	119,820,500,000	69,306,398,800	(14,236,878,552)	-	240,000,000	25,174,584,055	200,304,604,303
	-	-	-	-	-	-	-

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu					
	Cuối năm	%	Đầu năm	%	
	VND		VND		
Tổng Công ty Cổ phần điện tử và Tin học Việt Nam	66,449,092,840	55.46%	61,620,000,000	55.99%	
Vốn góp của các đối tượng khác	53,371,407,160	44.54%	48,433,450,000	44.01%	
Tổng cộng	119,820,500,000	100%	110,053,450,000	100%	- -

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận					
	Năm nay		Năm trước		
	VND		VND		
-Vốn đầu tư của chủ sở hữu					
Vốn góp đầu năm	110,053,450,000		70,000,000,000		
Vốn góp tăng trong năm	9,767,050,000		40,053,450,000		
Vốn góp giảm trong năm	-		-		
Vốn góp cuối năm	119,820,500,000	-	110,053,450,000	-	
-Cổ tức, lợi nhuận đã chia	33,344,619,001		8,400,000,000		

đ) Cổ phiếu		
	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,000,000	12,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,982,050	11,005,345
- Cổ phiếu phổ thông	11,982,050	11,005,345
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	519,690	-
- Cổ phiếu phổ thông	519,690	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11,462,360	11,005,345
- Cổ phiếu phổ thông	11,462,360	11,005,345
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty		
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ dự phòng tài chính	240,000,000	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH**Báo cáo tài chính**

248A-Nơ Trang Long-P.12-Q.Bình Thạnh-TP.Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Doanh thu bán hàng	219,095,820,651	517,317,324,701		
Tổng cộng	219,095,820,651	517,317,324,701	-	-

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Hàng bán bị trả lại	2,881,852,203	4,993,539,658		
Tổng cộng	2,881,852,203	4,993,539,658	-	-

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa	216,213,968,448	512,323,785,043		
Tổng cộng	216,213,968,448	512,323,785,043	-	-

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34,456,815,829	76,177,537,500		
Giá vốn của thành phẩm đã bán	141,398,077,890	376,901,441,318		
Tổng cộng	175,854,893,719	453,078,978,818	-	-

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5,776,883,282	1,939,589,973		
Cổ tức, lợi nhuận được chia:	23,042,644,678	2,501,100,000		
- Công ty TNHH Sony Việt Nam	17,435,812,550	-		
- Công ty TNHH JVC Việt Nam	4,192,200,000	2,096,100,000		
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Việt	1,414,632,128	405,000,000		
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,196,460,104	2,353,091,166		
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7,683,012,898		
Tổng cộng	31,015,988,064	14,476,794,037	-	-

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Lãi tiền vay	2,542,475,314	4,707,088,717		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,076,778,024	895,872,974		
Chi phí tài chính khác	-	11,838		
Tổng cộng	5,619,253,338	5,602,973,529	-	-

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25,672,203,589	29,683,001,655
Điều chỉnh tăng	6,679,845,151	-
- Khoản dự phòng Thuế TNDN phải nộp	6,679,845,151	-
Điều chỉnh giảm	23,042,644,678	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	23,042,644,678	2,514,400,000
Tổng lợi nhuận chịu thuế	9,309,404,062	27,168,601,655
- Lợi nhuận chịu thuế với thuế suất 20%	3,307,599,026	3,125,932,350
- Lợi nhuận chịu thuế với thuế suất 28%	6,001,805,036	24,042,669,305
Thuế TNDN phải nộp	2,342,025,215	7,357,133,875
Thuế TNDN được giảm	1,171,012,607	1,841,435,801
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,171,012,608	5,515,698,074
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,171,012,608	5,515,698,074

Ghi chú: Theo nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, Công ty được ưu đãi thuế như sau:

Được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005-2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo (2007-2009).

Riêng đối với hoạt động sản xuất máy vi tính được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm (2004-2013).

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	139,982,931,335	295,370,059,315
Chi phí nhân công	11,529,835,489	13,059,909,249
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,338,699,542	1,715,119,395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23,150,263,958	4,929,686,020
Chi phí khác bằng tiền	9,807,291,906	31,144,291,826
Tổng cộng	185,809,022,230	346,219,065,805

31. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC***Thông tin so sánh***

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRƯƠNG THỊ THÙY LINH

VÕ THỊ THANH HÀ

NGÔ VĂN VỊ